BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC
*****

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

LỚP: PHÂN TÍCH THỰC PHẨM 20D

TT	Tên học viên		Ngày sinh	Nơi sinh	KCS Dầu	KCS Bia	KCS lương thực	KCS Thịt	KCS thủy sản	Phân tích nước	KCS Sữa	KCS NGK	KCS đường-BK	KCS Trà-café	KCS Rượu	Điểm tổng kết
1	Nguyễn Khánh	An	10/11/93	Tiền Giang	7.5	8.0	7.7	8.0	8.0	7.0	7.5	7.5	7.5	8.0	6.5	7.6
2	Dương Thị Kim	Âu	20/01/92	An Giang	8.5	8.0	6.0	8.0	8.0	7.8	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8
3	Đặng Lê	Bảo	16/11/93	Bình Định	8.5	8.0	7.2	5.0	7.0	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	7.5
4	Phạm Thị Ngọc	Bích	24/11/93	Tây Ninh	9.0	8.0	7.5	7.5	8.0	7.8	8.5	8.5	9.0	9.0	8.0	8.3
5	Phạm Nhân	Cương	21/03/93	Quảng Ngãi	7.5	8.0	8.2	7.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.5	8.0	7.5	7.8
6	Trần Phước	Duy	02/03/94	Đồng Tháp	8.5	8.0	7.2	7.5	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	7.7
7	Lý Thị	Hạnh	1993	Đồng Tháp	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	8.0	8.0	7.0	8.5	7.5	7.0	7.7
8	Nguyễn Thị	Hiệp	20/01/91	Gia Lai	8.5	8.0	7.5	5.0	8.0	7.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.6
9	Đặng Ngọc	Hiệu	25/07/93	Bình Định	7.5	8.0	8.2	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	8.5	8.0	7.5	7.9
10	Tăng Huỳnh Mỹ	Kim	23/01/92	Tp. Hồ Chí Minh	9.0	8.0	7.5	7.5	9.0	7.8	8.0	6.5	8.5	8.5	8.5	8.1
11	Lưu Thị Hoa	Lài	20/02/93	Bến Tre	7.5	8.0	7.7	7.5	8.0	7.2	7.5	7.5	7.5	8.0	6.5	7.5
12	Bùi Bảo	Lân	21/08/92	Lâm Đồng	9.0	8.0	7.5	9.0	8.0	8.0	9.0	8.5	9.0	9.0	8.0	8.5
13	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	03/05/91	Gia Lai	8.5	8.0	7.2	8.0	7.0	7.8	8.0	8.0	8.0	8.0	7.5	7.8
14	Lường Thị	Liên	20/11/93	Thanh Hóa	8.0	5.0	5.0	8.0	7.0	7.8	8.0	7.0	8.5	7.5	7.0	7.2
15	Nguyễn Thị	Mận	04/08/93	Bình Định	8.0	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8	8.0	8.0	9.0	7.5	7.5	8.0
16	Lê Thị Phương	Nga	08/12/93	Quảng Ngãi	8.0	8.0	8.0	8.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.5	7.5	8.0
17	Nguyễn Thị	Nhị	26/10/93	Phú Yên	7.5	8.0	7.5	7.5	7.0	7.7	8.0	7.5	8.5	8.0	8.0	7.7
18	Biện Ngọc Quỳnh	Như	05/12/93	Tp. Hồ Chí Minh	8.5	8.0	7.3	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.7	8.5	7.5	8.0
19	Phan Thị	Nhung	16/10/93	Dăk Lăk	7.5	8.0	7.2	7.0	8.0	7.5	7.5	7.0	7.5	8.0	8.5	7.6
20	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/08/94	Hà Tĩnh	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	7.5	8.0	7.0	8.5	7.5	7.0	7.6
21	Bùi Minh	Phúc	28/10/91	Dăk Lăk	9.0	8.0	7.5	7.5	9.0	7.8	8.0	8.0	8.5	8.5	8.5	8.2

Danh sách điểm tổng kết KCS 20D

TT	Tên học viên		Ngày sinh	Nơi sinh	KCS Dầu	KCS Bia	KCS lương thực	KCS Thịt	KCS thủy sản	Phân tích nước	KCS Sữa	KCS NGK	KCS đường-BK	KCS Trà-café	KCS Rượu	Điểm tổng kết
22	Phạm Nguyễn Hồng	Phúc	32708		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0
23	Nguyễn Thị Yến	Phương	16/05/93	Tiền Giang	8.0	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	7.5	7.5	8.0
24	Trần Thị	Sinh	05/03/93	Nghệ An	7.5	8.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.5	7.0	7.5	8.0	8.5	7.7
25	Nguyễn Thị	Tâm	10/09/92	Bình Định	7.5	8.0	7.5	7.5	7.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	8.0	7.7
26	Huỳnh Kim	Thi	30/10/92	Tp. Hồ Chí Minh	9.0	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.5	8.5	9.0	9.0	8.0	8.3
27	Lương Thị	Thiệt	22/08/93	Quảng Ngãi	8.5	8.0	7.3	7.0	8.0	8.0	8.0	8.0	8.7	8.5	7.5	8.0
28	Lê Thị	Thủy	20/03/91	Bình Định	7.5	8.0	7.5	7.5	7.0	7.0	8.0	7.5	8.5	8.0	8.0	7.7
29	Cù Thị Thu	Trang	18/06/93	Bến Tre	7.5	5.0	8.2	5.0	8.0	7.8	8.0	7.5	8.5	8.0	7.5	7.4
30	Lê Thị	Trang	22/09/91	Nghệ An	8.5	8.0	7.5	6.5	8.0	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	7.8
31	Nguyễn Ngô Thanh	Trúc	15/07/93	Dăk Lăk	8.0	8.0	7.5	8.0	7.0	7.8	8.0	7.0	8.5	7.5	7.0	7.7
32	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	18/11/93	Long An	7.5	8.0	7.7	7.5	8.0	8.0	7.5	7.5	7.5	8.0	6.5	7.6
33	Trần Thị Hồng	Tuyết	10/10/92	Bình Định	8.5	8.0	7.3	6.5	8.0	7.5	8.5	8.0	8.7	8.5	7.5	7.9
34	Nguyễn Thị Mỹ	Xuyên	25/12/90	An Giang	7.5	8.0	7.2	7.0	8.0	8.0	7.5	7.0	7.5	8.0	8.5	7.7
35	Phạm Thị	Hậu	20/10/1991	Đồng Nai	9.0	7.0	7.5	8.0	9.0	7.5	8.0	8.0	8.5	8.5	8.5	8.1

Trưởng khoa

Người lập

Phan Vĩnh Hưng

Danh sách điểm tổng kết KCS 20D